

Bản án số: **14/2026/DSST**
Ngày: 26/02/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và bà Phạm Huỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) khu vực
14, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2025/TLST-DS
ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXXST-DS ngày 13/01/2026 và quyết
định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-DS ngày 29/01/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1964. Trú tại: thôn P, xã T, tỉnh
Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn E, sinh năm 1978; bà Lê Thị T, sinh năm
1981; Cùng trú tại: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử
vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:**

Do có quan hệ họ hàng với nhau nên vào ngày 10/7/2022, bà B có cho vợ
chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T mượn số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu
đồng*) để mua mỗi cho tôm, việc vay mượn tiền có viết giấy mượn tiền do ông E
viết và cả ông E, bà T đều ký tên vào giấy mượn tiền, hai bên có thỏa thuận lãi
suất miệng là 1%/tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền lãi; từ ngày mượn tiền
đến nay ông E, bà T chỉ trả 04 tháng tiền lãi với số tiền 4.000.000 đồng, từ đó
không trả nữa. Ông E, bà T hứa hẹn khi nào bán tôm sẽ trả cho bà B, sau đó hẹn
đến năm 2023 sẽ trả nhưng sau khi bán tôm xong thì vợ chồng ông E, bà T không

trả mà lại bỏ đi khỏi địa phương. Sau đó bà B gọi điện nhiều lần nhưng vợ chồng ông E, bà T đã chặn số điện thoại nên không liên lạc được. Nay bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông E, bà T phải trả cho bà B số tiền đã mượn là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), không yêu cầu lãi suất. Theo đơn khởi kiện bà B có yêu cầu ông E, bà T phải trả cho bà B số tiền 120.000.000 đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông E, bà T phải trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Bà B không yêu cầu ông E, bà T phải trả lãi suất.

- TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T nhưng ông E, bà T không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Ngày 13/11/2025, Tòa án nhận được đơn trình bày ý kiến của vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T thể hiện: cuối năm 2021 đến năm 2023 vợ chồng ông E, bà T có vay của bà Phạm Thị B nhiều lần với tổng số tiền 100.000.000đ, cụ thể cuối năm 2021 vay 30.000.000đ, bà B thu lãi trước là 2.100.000đ nên số tiền thực nhận là 27.900.000đ; đầu năm 2022 vay 20.000.000đ, bà B thu tiền lãi trước số tiền 1.400.000đ và trừ tiền lãi 2.100.000đ chưa trả trước đó nên thực nhận 16.500.000đ; năm 2023 vay 20.000.000đ, bà B thu tiền lãi trước là 1.400.000đ và trừ tiền lãi đó là 7.000.000đ nên số tiền thực nhận là 11.600.000đ và cũng trong năm 2023 vay thêm 30.000.000đ, bà B thu tiền lãi trước 2.100.000đ và trừ tiền lãi trước đó chưa trả, nên số tiền thực nhận là 18.100.000đ. Sau đó bà B đưa giấy vay tiền nội dung vợ chồng ông E, bà T vay bà B 100.000.000đ, yêu cầu vợ chồng ông E, bà T ký tên vào giấy vay tiền. Nay do làm ăn thua lỗ mất khả năng trả nợ nên ông E, bà T xin hoãn trả nợ số tiền trên. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị B số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*); Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã mượn theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 BLTTDS. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể thay đổi khoản yêu cầu trả nợ từ 120.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được HĐXX chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn; đối chiếu giấy mượn tiền (Bút lục số 33) do bà Phạm Thị B cung cấp có chữ ký của vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: Ngày 10/7/2022, vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T có vay của bà Phạm Thị B số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), hạn đến năm 2023 khi nào bán tôm sẽ trả cho bà B nhưng sau khi bán tôm xong thì vợ chồng ông E, bà T không trả nợ, bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho bà B biết về nơi cư trú, làm việc mới là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T nhưng ông E, bà T không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự mà vợ chồng ông E, bà T có bản trình bày cho rằng có vay bà B nhiều lần với số tiền 100.000.000 đồng, nhưng mỗi lần nhận tiền vay, bà B yêu cầu phải trả trước tiền lãi và trừ thẳng tiền lãi chưa trả vào số tiền vay gốc, nên số tiền vợ chồng ông E, bà B thực nhận không phải 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng ông E, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là vợ

chồng ông E, bà T đã trả cho bà B các khoản lãi như ông bà trình bày, cũng không chứng minh được việc bị bà B ép buộc ký nhận các khoản vay nói trên, đồng thời lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, do đó lời trình bày của vợ chồng ông E, bà T không có cơ sở chấp nhận. Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị HĐXX xem xét cho bị đơn xin hoãn trả nợ số tiền trên do làm ăn thua lỗ mất khả năng trả nợ là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông E, bà T phải trả cho nguyên đơn bà B số tiền đã mượn là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn trình bày giữa các đương sự có thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng, bị đơn trả được 4 tháng sau đó không trả nữa; bị đơn cho rằng nguyên đơn thu lãi trước 7%/tháng, tuy nhiên không cung cấp tài liệu nào chứng minh về tiền lãi đã trả, các đương sự không có ý kiến về khoản lãi đã trả và nguyên đơn bà B cũng không yêu cầu gì về lãi nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị B số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn E, bà Lê Thị T phải chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14-Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 14-Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền